

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC & SAU ĐẠI HỌC



SỔ TAY
HỌC VIÊN CAO HỌC

HẢI DƯƠNG, NĂM 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
NỘI DUNG	1
1. Khái quát về cơ sở giáo dục	1
2. Văn bản tài liệu liên quan đến quá trình học tập, nghiên cứu	4
3. Khu vực học tập, nghiên cứu	4
4. Cơ sở vật chất và tài nguyên thư viện.....	5
5. Quản lý hỗ trợ học viên.....	5
6. Nhiệm vụ của học viên	6
7. Chương trình đào tạo Thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương	6
8. Quy định về đánh giá kết quả học tập của học viên	8
9. Quy định khác đối với học viên	9
10. Kế hoạch học tập toàn khóa	9

NỘI DUNG

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi

Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Với truyền thống lịch sử từ ngày 17/01/1960, Trường đã trải qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành trên cơ sở sáp nhập và hợp nhất các cơ sở đào tạo thuộc các ngành: Tài chính, Kế hoạch, Thương nghiệp, Lao động và Lương thực. Nhà trường có uy tín và thế mạnh đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề theo các bậc: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học theo các khối ngành kinh tế-kỹ thuật-chính trị-xã hội. Trong quá trình xây dựng, phát triển, Trường ĐHHĐ đã đóng góp một nguồn nhân lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là cho khu vực Đồng bằng Sông Hồng. Trường đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước cho những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba). Nhiều đơn vị và cá nhân trực thuộc Trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý.

Trường ĐHHĐ là một trường công lập, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và chính trị - xã hội; là trung tâm NCKH - CGCN phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Sứ mạng: “Trường ĐHHĐ là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước. Phát huy vai trò là trường ĐH ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước”

Tầm nhìn: “Trường ĐHHĐ trở thành ĐH ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường ĐH công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của Miền Bắc vào năm 2025. Kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường ĐH tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030”

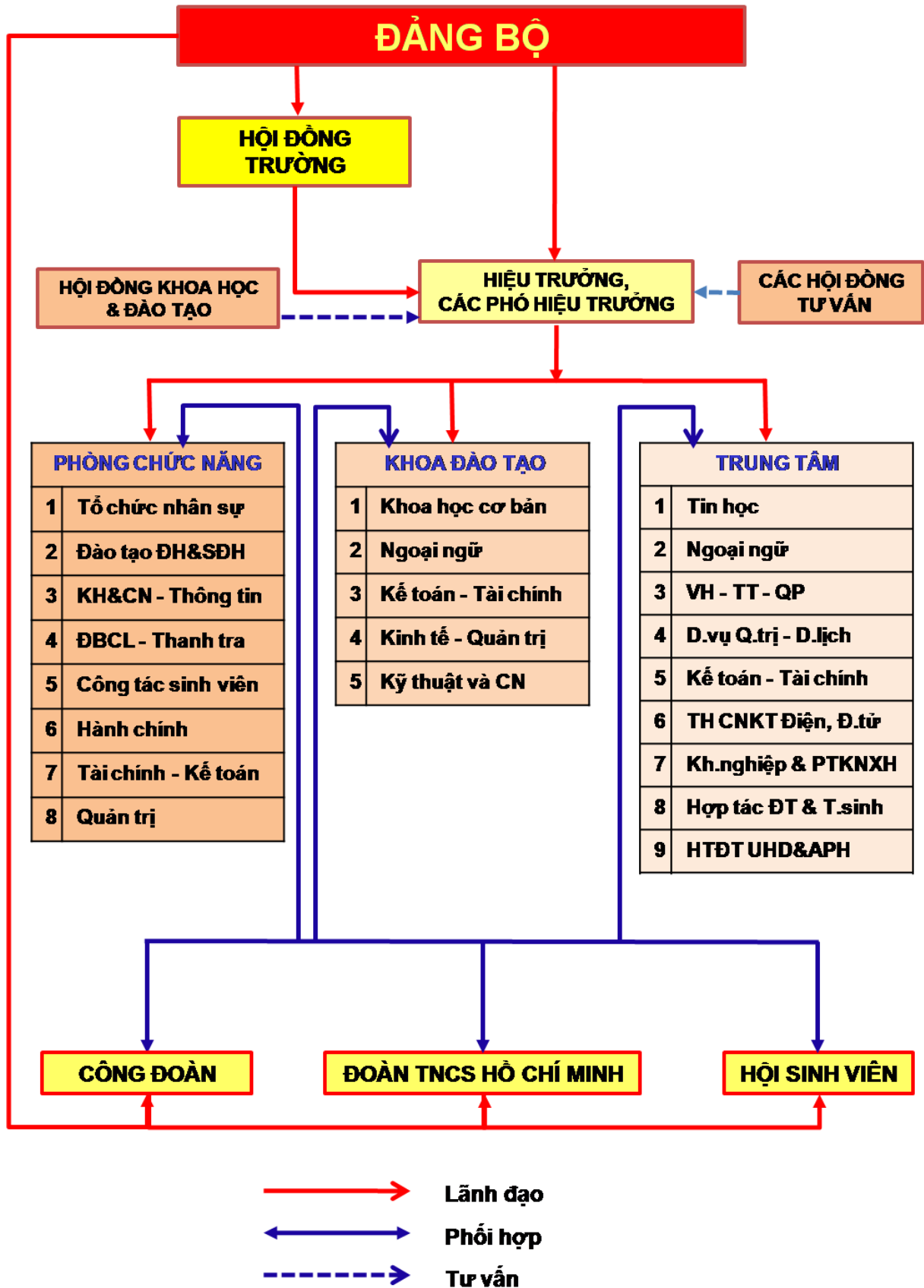
Giá trị cốt lõi: “**Môi trường sáng tạo - Tập thể đoàn kết - Liêm chính, minh bạch - Chất lượng, hiệu quả - Trách nhiệm cộng đồng**”.

Triết lý giáo dục: "Học để làm được việc". Giáo dục, đào tạo đại học là nơi con người tự do sáng tạo để phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng, thái độ cần thiết để đảm bảo cho cuộc sống, làm việc của cá nhân, gia đình và sự phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai. Trường ĐHHD là trường đại học theo định hướng ứng dụng để sinh viên ra trường có việc làm và làm được việc. Do vậy, triết lý "học để làm được việc" là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hoạt động của Nhà trường.

Trường Đại học Hải Dương hiện nay có 05 khoa đào tạo; 09 trung tâm đào tạo, thực hành, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ; 08 phòng chức năng. Trường đang thực hiện 26 chương trình đào tạo.

Quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng. Trường đã ký hợp tác với nhiều đơn vị, doanh nghiệp: Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội, Công ty cổ phần kinh doanh Kiyokawa, Công ty TNHH Việt Nam Toyo Denso, Trường Đại học Kookji (Hàn Quốc)... Đặc biệt, Trường đã hợp tác toàn diện với Tập đoàn An phát Holdings. Quan hệ hợp tác được đẩy mạnh giúp Trường có điều kiện đáp ứng yêu cầu đào tạo ngày càng cao.

1.2. Cơ cấu tổ chức



2. Văn bản tài liệu liên quan đến quá trình học tập, nghiên cứu

Trong quá trình tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ tại trường Đại học Hải Dương, Học viên (HV) cần tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Nhà trường trong hoạt động học tập và nghiên cứu.

Các tài liệu được công bố trên website Nhà trường gồm một số văn bản chính, bao gồm:

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số: 113/QĐ-ĐHHD, ngày 05 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số: 114/QĐ-ĐHHD, ngày 05 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số: 457/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

3. Khu vực học tập, nghiên cứu

HV được bố trí khu vực tự học tập theo lớp tại tòa nhà A1, A2 khu đào tạo Sau đại học trường ĐH Hải Dương, trên đường Trần Ích Phát, khu 8, phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương. Để thuận tiện cho việc bố trí, sắp xếp khu vực học tập, nghiên cứu HV vui lòng gửi thông tin đề xuất đến phòng Đào tạo ĐH&SDH để được hỗ trợ, tại khu làm việc của Đào tạo ĐH & SDH (phòng A1.101, tầng 1 - Nhà A1) có một phòng seminar (A1.301) mở cửa toàn bộ vào giờ hành chính, tất cả các ngày làm việc trong tuần, HV có thể đăng ký sử dụng làm nơi trao đổi với các HV khác, giảng viên, chuyên gia, người hướng dẫn khoa học (NHDKH),...

Các yêu cầu khi sử dụng các khu vực học tập, nghiên cứu:

- Không được tự ý di chuyển các thiết bị, đồ đạc trong khu vực học tập, nghiên cứu mà khi chưa có sự đồng ý của bộ phận quản lý tài sản;

- Không được phép sử dụng khu vực học tập, nghiên cứu để ăn, hút thuốc;

- Tự bảo quản tài sản cá nhân; nếu xảy ra mất mát Nhà trường sẽ không có trách nhiệm bồi thường;
- Giữ khu vực học tập, nghiên cứu sạch sẽ, ngăn nắp, gọn gàng;
- Tôn trọng quyền riêng tư của người khác khi sử dụng chung khu vực học tập, nghiên cứu; để tránh làm phiền người khác không mang theo bạn bè/người thân/vật nuôi khác, hạn chế tối đa việc sử dụng điện thoại cho các cuộc gọi;...
- Sử dụng khu vực học tập, nghiên cứu ngoài giờ hành chính cần có sự đồng ý của bộ phận quản lý tài sản;

4. Cơ sở vật chất và tài nguyên thư viện

Nhà trường có các thư viện tại 02 cơ sở đào tạo. Tài nguyên thư viện bao gồm tài nguyên số, tài liệu bản cứng. Để có thông tin chung về hệ thống thư viện, thuận tiện cho việc tìm kiếm, tra cứu các tài liệu. HV có thể liên lạc với các cán bộ, nhân viên thư viện viên hỗ trợ theo số điện thoại sau: 0949927268 (thủ thư Phạm Thị Thêu) hoặc có thể truy cập thư viện số theo đường link <https://thuvienso.uhd.edu.vn/home/vi/>

5. Quản lý hỗ trợ học viên

Nhà trường giám sát quá trình học tập, nghiên cứu của HV trong giai đoạn đào tạo thạc sĩ. Các hoạt động học tập, nghiên cứu được thực hiện theo hình thức tập trung liên tục tại Nhà trường. Phòng Đào tạo ĐH&SDH là đơn vị đầu mối hỗ trợ HV, HV nếu có bất kể khó khăn nào liên quan đến học tập, nghiên cứu có thể liên lạc với giáo viên chủ nhiệm (GVCN) của Đào tạo ĐH&SDH trực tiếp hoặc qua hệ thống email: uhdphongdaotaoqltt@gmail.com

Khoa chuyên môn là đơn vị hỗ trợ HV trong hoạt động học tập, nghiên cứu chuyên môn. HV có thể liên hệ với Trưởng khoa, GV bộ môn, GVCN để được hỗ trợ các vấn đề cụ thể phát sinh trong quá trình học.

Thông tin Giảng viên, Chuyên viên quản lý ngành học, lớp học

TT	Họ và tên	SĐT	Chức vụ
1	TS. Nguyễn Phương Ngọc	0978622855	Trưởng phòng Đào tạo ĐH&SDH
2	ThS. Lê Thị Sinh	0986567096	Phó trưởng phòng Đào tạo ĐH&SDH
3	TS. Nguyễn Thị Đào	0985202991	Trưởng khoa Kế toán - Tài chính
4	TS. Lê Thị Nguyệt	0969377298	Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị
5	ThS. Nguyễn Thị Thương	0974770232	GVCN, Giáo vụ ĐH

6. Nhiệm vụ của học viên

Quá trình học tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ tại trường Đại học Hải Dương, học viên có nhiệm vụ sau:

- Chủ động lập kế hoạch và bám sát tiến độ học tập, nghiên cứu: HV phải chủ động tham gia vào việc lập kế hoạch, tiến độ học tập và hoàn thành việc học tập, nghiên cứu của mình; HV phải chủ động liên lạc với Quản lý lớp học, Trưởng chương trình, Giảng viên bộ môn để được hỗ trợ kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình tham gia Chương trình đào tạo.

- Tham gia đào tạo, nghiên cứu: HV phải tham gia đầy đủ các học phần thuộc chương trình đào tạo, bao gồm cả học phần bổ sung (nếu có) và các hoạt động khác được thiết kế cho HV.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khoá học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo.

7. Chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương

Tổng thời lượng đào tạo 60 tín chỉ, số học phần tích lũy 21 học phần, thời gian của khoá học là 2 năm. Người học tốt nghiệp chương trình cử nhân, kỹ sư ngành phù hợp, ngành gần học tiếp lên chương trình thạc sĩ phải hoàn thiện các học phần bổ sung kiến thức theo Thông báo tuyển sinh, đào tạo thạc sĩ hàng năm.

Hiện tại, Nhà trường đào tạo 2 chương trình trình độ Thạc sĩ, cụ thể như sau:

7.1. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng, mã ngành đào tạo 8340301

TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
	Mã chuyên ngành	Số hiệu HP		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	
I	Khối kiến thức chung			8	4	4	
1	KTTH	501	Triết học	4	2	2	
2	KTTA	502	Tiếng Anh	4	2	2	
II	Khối kiến thức cơ sở			12	7	5	
II.1	Các học phần bắt buộc			8	5	3	
1	KTVM	503	Kinh tế vi mô	3	2	1	
2	KTVIM	504	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	
3	KTPP	505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	
II.2	Các học phần tự chọn: 2/5 học phần			4	2	2	
1	KTLK	506	Luật kinh tế	2	1	1	
2	KTTK	507	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	2	1	1	

3	KTTT	508	Tài chính - Tiền tệ	2	1	1	
4	KTQH	509	Quản trị học	2	1	1	
5	KTVN	510	Chuyên đề Kinh tế Việt Nam	2	1	1	
III	Khôi kiến thức chuyên ngành			31	17	14	
III.1	Các học phần bắt buộc			17	10	7	
1	KTTC	511	Kế toán tài chính nâng cao	3	2	1	
2	KTQT	512	Kế toán quản trị nâng cao	3	2	1	
3	KTKT	513	Kiểm toán nâng cao	3	2	1	
4	KTPD	514	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	KTHT	515	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	
6	CĐTT	516	Chuyên đề thực tế	2		2	
III.2	Các học phần tự chọn: 7/12 học phần			14	7	7	
1	KTKS	517	Kiểm soát nội bộ	2	1	1	
2	KTQT	518	Kế toán quốc tế	2	1	1	
3	KTKC	519	Kế toán công	2	1	1	
4	KTQL	520	Quản trị chiến lược	2	1	1	
5	KTKL	521	Kinh tế lượng	2	1	1	
6	KTNK	522	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh	2	1	1	
7	KTCK	523	Chuyên đề kế toán tài chính	2	1	1	
8	KTCQ	524	Chuyên đề kế toán quản trị	2	1	1	
9	KTQT	525	Quản trị tài chính	2	1	1	
10	KTKD	526	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1	
11	KTTH	527	Thuế	2	1	1	
12	KTTC	528	Tài chính công	2	1	1	
III.3	KTĐA	529	Đề án	9		9	

7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế toán theo định hướng ứng dụng, mã ngành đào tạo 8310110

Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TL
1	Khôi kiến thức chung:			8	4	4
1	THML	501	Triết học	4	2	2
2	PPNC	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	2	1	1
3	TATM	503	Tiếng Anh	2	1	1
2	Khôi kiến thức cơ sở:			12	7	5
2.1	Các học phần bắt buộc:			6	4	2
1	KTHN	504	Kinh tế học nâng cao	3	2	1
2	KHQL	505	Khoa học quản lý	3	2	1
2.2	Các học phần tự chọn: học viên chọn 3 trong 8 học phần			6	3	3

Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TL
1	KTCC	506	Kinh tế học công cộng	2	1	1
2	KTQH	507	Kinh tế quốc tế	2	1	1
3	KTPT	508	Kinh tế phát triển	2	1	1
4	KTĐT	509	Kinh tế đầu tư	2	1	1
5	KTLU	510	Kinh tế lượng ứng dụng	2	1	1
6	TCTT	511	Tài chính- tiền tệ	2	1	1
7	LKT	512	Luật kinh tế	2	1	1
8	QTH	513	Quản trị học	2	1	1
3	Khối kiến thức chuyên ngành			31	17	14
3.1	Các học phần bắt buộc:			17	10	7
1	QLNN	514	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	1
2	ĐAĐT	515	Quản lý dự án đầu tư	3	2	1
3	QTDN	516	Quản trị doanh nghiệp	3	2	1
4	QLTC	517	Quản lý tài chính công	3	2	1
5	PTKT	518	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3	2	1
6	CĐTT	519	Chuyên đề thực tế	2		2
3.2	Các học phần tự chọn: học viên chọn 7 trong 10 học phần			14	7	7
1	TCTT	520	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2	1	1
2	QLT	521	Quản lý thuế	2	1	1
3	QLTSC	522	Quản lý tài sản công	2	1	1
4	QLNNL	523	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2	1	1
5	QLASXH	524	Quản lý an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo	2	1	1
6	QLNNNT	525	Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	1	1
7	QLNLMT	526	Quản lý năng lượng và môi trường	2	1	1
8	QLKHCN	527	Quản lý khoa học và công nghệ	2	1	1
9	QLTMQT	528	Quản lý thương mại quốc tế	2	1	1
10	TLHLĐ	529	Tâm lý học lãnh đạo quản lý	2	1	1
3.3	ĐATHS	530	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9		9
Tổng cộng				60	28	32

8. Quy định về đánh giá kết quả học tập của học viên

Áp dụng Quyết định số: 457/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương (<https://uhd.edu.vn/quyet-dinh-ban-hanh-quy-dinh-ve-tuyen-sinh-va-dao-tao-trinh-do-thac-si-dt39609.html>)

8.1. Đánh giá kết quả học tập

Cách thức đánh giá và tính điểm học phần được quy định tại điểm 10, Điều 7.

Lưu ý: Điểm học phần phải đạt từ 5,5 (điểm C) trở lên.

8.2. Hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp

Được quy định tại Điều 9.

Lưu ý: Điểm đề án phải đạt từ 5,5 (điểm C) trở lên.

8.3. Đánh giá lại đề án

Được quy định tại Điều 10.

8.4. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

Được quy định tại Điều 12.

Lưu ý: Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu;

Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

9. Quy định khác đối với học viên

Được quy định tại Điều 13, 14, 15, 16.

10. Kế hoạch học tập toàn khóa**10.1. Ngành Kế toán**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Thời gian dự kiến
1	Triết học	4	I	Đợt 1 (7/2022 - 01/2023) Đợt 2 (01/2023 - 6/2023)
2	Phương pháp NCKH	2	I	
3	Tiếng Anh	4	I	
4	Kinh tế vi mô	3	I	
5	Kinh tế vĩ mô	3	I	
Các môn học tự chọn: 2/5 học phần				
6	Học phần tự chọn 1	2	I	
7	Học phần tự chọn 2	2	I	
Các môn học phần bắt buộc				Đợt 1 (02/2023 - 7/2023) Đợt 2 (7/2023 - 12/2023)
8	Kế toán tài chính nâng cao	3	II	
9	Kế toán quản trị nâng cao	3	II	
10	Kiểm toán nâng cao	3	II	
11	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	II	
12	Hệ thống thông tin kế toán	3	II	
13	Chuyên đề thực tế	2	II	

Các môn học tự chọn: 7/12 học phần				
14	Học phần tự chọn 1	2	III	Đợt 1 (8/2023 - 12/2023) Đợt 2 (01/2024 - 6/2024)
15	Học phần tự chọn 2	2	III	
16	Học phần tự chọn 3	2	III	
17	Học phần tự chọn 4	2	III	
18	Học phần tự chọn 5	2	III	
19	Học phần tự chọn 6	2	III	
20	Học phần tự chọn 7	2	III	
21	Đề án	9	IV	Đợt 1 (01/2024 - 6/2024) Đợt 2 (7/2024 - 12/2024)

10.2. Ngành Quản lý kinh tế

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Thời gian dự kiến	
1	Triết học	4	I	Đợt 1 (7/2022 - 01/2023) Đợt 2 (01/2023 - 6/2023)	
2	Phương pháp NCKH kinh tế	2	I		
3	Tiếng Anh	2	I		
4	Kinh tế học nâng cao	3	I		
5	Khoa học quản lý	3	I		
Các môn học tự chọn: 3 trong 8 học phần					
6	Học phần tự chọn 1	2	I		
7	Học phần tự chọn 2	2	I		
8	Học phần tự chọn 3	2	I		
Các môn học phần bắt buộc					
9	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	II	Đợt 1 (02/2023 - 7/2023) Đợt 2 (7/2023 - 12/2023)	
10	Quản lý dự án đầu tư	3	II		
11	Quản trị doanh nghiệp	3	II		
12	Quản lý tài chính công	3	II		
13	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3	II		
14	Chuyên đề thực tế	2	II		
Các môn học tự chọn: 7 trong 10 học phần					
15	Học phần tự chọn 1	2	III	Đợt 1 (8/2023 - 12/2023) Đợt 2 (01/2024 - 6/2024)	
16	Học phần tự chọn 2	2	III		
17	Học phần tự chọn 3	2	III		
18	Học phần tự chọn 4	2	III		
19	Học phần tự chọn 5	2	III		
20	Học phần tự chọn 6	2	III		
21	Học phần tự chọn 7	2	III		
22	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9	IV	Đợt 1 (01/2024 - 6/2024) Đợt 2 (7/2024 - 12/2024)	